

Cảnh quan bằng tiếng Đức

138 từ, từ cơ bản đến nâng cao.

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
1	das Ufer B1 <i>/das ˈuːfɐ/</i> số nhiều die Ufer	Bờ sông	B1–B2
2	der Sturm A2 <i>/deːɐ̯ ˈʃtʊʁm/</i> số nhiều die Stürme	Bão	B1–B2
3	der Hagel B1 <i>/deːɐ̯ ˈhaːɡl/</i>	Mưa đá	B1–B2
4	der Gipfel B1 <i>/deːɐ̯ ˈɡɪpfl̩/</i> số nhiều die Gipfel	Đỉnh núi	B1–B2
5	das Wetter A1 <i>/das ˈvɛtɐ/</i>	Thời tiết	A1–A2
6	das Biotop B2 <i>/das bioˈtoːp/</i> số nhiều die Biotope	Sinh cảnh	C1
7	die Artenvielfalt B2 <i>/diː ˈaːɐ̯tənˌfiːlfalt/</i>	sự đa dạng loài	C1
8	der Artenschutz B2 <i>/deːɐ̯ ˈaːʁtənˌʃʊts/</i>	Bảo vệ loài	C1
9	Graupel B2 <i>/ˈɡʁaʊpəl/</i> der · số nhiều die Graupeln	Mưa tuyết hạt	C1
10	der Regen A1 <i>/deːɐ̯ ˈʁeːɡən/</i>	Cơn mưa	A1–A2
11	der Schnee A1 <i>/deːɐ̯ ˈʃneː/</i>	Tuyết	A1–A2
12	die Wolke A1 <i>/diː ˈvɔlkə/</i> số nhiều die Wolken	Đám mây	A1–A2
13	der Nebel A2 <i>/deːɐ̯ ˈneːbəl/</i> số nhiều die Nebel	Sương mù	A1–A2
14	der Fluss A1 <i>/deːɐ̯ ˈflʊs/</i> số nhiều die Flüsse	Dòng sông	A1–A2
15	der Reif B2 <i>/deːɐ̯ ˈʁaɪf/</i>	Sương muối	C1
16	das Feuchtgebiet B2 <i>/das ˈfɔɣçtgəˌbiːt/</i> số nhiều die Feuchtgebiete	Vùng đất ngập nước	C1
17	das Waldsterben B2 <i>/das ˈvaltˌʃtɛʁbn̩/</i>	Rừng chết	C1

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
18	die Wüstenbildung C1 <i>/di: 'vy:stən,bɪldʊŋ/</i>	Sa mạc hóa	C1
19	die Dekarbonisierung C1 <i>/di: dekaʁboni'zi:ʁʊŋ/</i> số nhiều die Dekarbonisierungen	Khử cacbon	C1
20	die Kreislaufwirtschaft C1 <i>/di: 'kʁaɪslɑʁf,vɪʁtʃaft/</i>	Nền kinh tế tuần hoàn	C1
21	der Sand A2 <i>/de:ɐ̯ 'zant/</i>	Cát	A1-A2
22	der Wald A1 <i>/de:ɐ̯ 'valt/</i> số nhiều die Wälder	Rừng	A1-A2
23	der See A1 <i>/de:ɐ̯ 'ze:/</i> số nhiều die Seen	Hồ	A1-A2
24	das Gewitter A2 <i>/das gə'vɪtə/</i> số nhiều die Gewitter	Đông	A1-A2
25	der Blitz A2 <i>/de:ɐ̯ 'blɪts/</i> số nhiều die Blitze	Tia chớp	A1-A2
26	der Donner A2 <i>/de:ɐ̯ 'dɔnə/</i> số nhiều die Donner	Sấm	A1-A2
27	der Felsen B1 <i>/de:ɐ̯ 'felzən/</i> số nhiều die Felsen	Tảng đá lớn	B1-B2
28	das Meer A1 <i>/das 'me:ɐ̯/</i> số nhiều die Meere	Biển	A1-A2
29	der Ozean A2 <i>/de:ɐ̯ ɔtse'ʔa:n/</i> số nhiều die Ozeane	Đại dương	A1-A2
30	der Strand A1 <i>/de:ɐ̯ 'ftʁant/</i> số nhiều die Strände	Bãi biển	A1-A2
31	der Sumpf B1 <i>/de:ɐ̯ 'zʊmpf/</i> số nhiều die Sümpfe	Đầm lầy	B1-B2
32	die Bucht B1 <i>/di: 'bʊxt/</i> số nhiều die Buchten	Vịnh	B1-B2
33	der Torf B2 <i>/de:ɐ̯ 'tɔʁf/</i>	Than bùn	C1
34	die Stromschnelle B2 <i>/di: 'ftʁo:m,ʃnɛlə/</i> số nhiều die Stromschnellen	Ghềnh thác	C1

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
35	die Eisscholle B2 <i>/di: 'aɪs,ʃɔlə/</i> số nhiều die Eisschollen	Tảng băng nổi	C1
36	die Mangroven C1 <i>/di: maŋ'ɡʁo:vən/</i>	Rừng ngập mặn	C1
37	das Biosphärenreservat C1 <i>/das bio'sfɛ:ʁənʁezɐʁva:t/</i> số nhiều die Biosphärenreservate	Khu dự trữ sinh quyển	C1
38	die Hitze A2 <i>/di: 'hɪtsə/</i>	Cái nóng	A1-A2
39	der Teich B1 <i>/de:ɐ̯ 'taɪç/</i> số nhiều die Teiche	Ao	B1-B2
40	die Kälte A2 <i>/di: 'kɛltə/</i>	Cái lạnh	A1-A2
41	der Bach A2 <i>/de:ɐ̯ 'bax/</i> số nhiều die Bäche	Con suối	B1-B2
42	der Fernblick B2 <i>/de:ɐ̯ 'fɛʁn,blɪk/</i> số nhiều die Fernblicke	Tầm nhìn xa	C1
43	der Berg A1 <i>/de:ɐ̯ 'bɛʁk/</i> số nhiều die Berge	Núi	A1-A2
44	der Hügel A2 <i>/de:ɐ̯ 'hy:ɡl/</i> số nhiều die Hügel	Đồi	A1-A2
45	die Renaturierung C1 <i>/di: ʁenatu'ʁi:ʁʊŋ/</i> số nhiều die Renaturierungen	Phục hồi tự nhiên	C1
46	der Frühling A1 <i>/de:ɐ̯ 'fʁy:lɪŋ/</i> số nhiều die Frühlinge	Mùa xuân	A1-A2
47	der Sommer A1 <i>/de:ɐ̯ 'zɔmɐ/</i> số nhiều die Sommer	Mùa hè	A1-A2
48	der Herbst A1 <i>/de:ɐ̯ 'hɛʁpst/</i> số nhiều die Herbste	Mùa thu	A1-A2
49	der Winter A1 <i>/de:ɐ̯ 'vɪntɐ/</i> số nhiều die Winter	Mùa đông	A1-A2
50	die Insel A2 <i>/di: 'ʔɪnzl/</i> số nhiều die Inseln	Hòn đảo	A1-A2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
51	der Stein A2 <i>/de:ɐ̯ ˈʃtaɪn/</i> số nhiều die Steine	Cục đá	A1-A2
52	das Trinkwasser B1 <i>/das ˈtʁɪŋkˌvase/</i>	Nước uống	A1-A2
53	der Baum A1 <i>/de:ɐ̯ ˈbaʊm/</i> số nhiều die Bäume	Cây	A1-A2
54	die Jahreszeit A1 <i>/di: ˈja:ʁəs,t͡saɪt/</i> số nhiều die Jahreszeiten	Mùa trong năm	A1-A2
55	die Küstenerosion C1 <i>/di: ˈkʏstənʔeʁo,z͡jo:n/</i> số nhiều die Küstenerosionen	Xói mòn bờ biển	C1
56	die Quelle B1 <i>/di: ˈkvɛlə/</i> số nhiều die Quellen	Nguồn	B1-B2
57	der Dschungel B1 <i>/de:ɐ̯ ˈdʒʊŋəl/</i> số nhiều die Dschungel	Rừng rậm nhiệt đới	B1-B2
58	die Wildnis B2 <i>/di: ˈvɪltnɪs/</i>	Vùng hoang dã	B1-B2
59	das Klima B1 <i>/das ˈkli:ma/</i> số nhiều die Klimate	Khí hậu	A1-A2
60	die Temperatur A2 <i>/di: tɛmpəʁaˈtu:ɐ̯/</i> số nhiều die Temperaturen	Nhiệt độ	A1-A2
61	der Luftdruck B1 <i>/de:ɐ̯ ˈlʊftˌdʁʊk/</i>	Áp suất không khí	B1-B2
62	der Orkan B2 <i>/de:ɐ̯ ɔʁˈka:n/</i> số nhiều die Orkane	Bão cấp cực mạnh	B1-B2
63	der Tornado B1 <i>/de:ɐ̯ tɔʁˈna:do/</i> số nhiều die Tornados	Lốc xoáy	B1-B2
64	der Hurrikan B1 <i>/de:ɐ̯ ˈhʊʁɪkan/</i> số nhiều die Hurrikane	Bão cuồng phong	B1-B2
65	die Lawine B1 <i>/di: laˈvi:nə/</i> số nhiều die Lawinen	Tuyết lở	B1-B2
66	der Klimawandel B1 <i>/de:ɐ̯ ˈkli:maˌvandəl/</i>	Biến đổi khí hậu	B1-B2
67	der Tsunami B1 <i>/de:ɐ̯ tsuˈna:mi/</i> số nhiều die Tsunamis	Sóng thần	B1-B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
68	die Tropen B1 <i>/di: 'tʁo:pŋ/</i>	Vùng nhiệt đới	B1-B2
69	das Naturschutzgebiet B1 <i>/das na'tu:ɐ̯ʃʊtsɡə,bɪ:t/</i> số nhiều die Naturschutzgebiete	Khu bảo tồn thiên nhiên	B1-B2
70	die Vegetation B2 <i>/di: veɡeta'tsjo:n/</i>	Thảm thực vật	B1-B2
71	das Grundwasser B2 <i>/das 'ɡʁʊnt,vase/</i>	Nước ngầm	B1-B2
72	das Treibhausgas B2 <i>/das 'tʁaɪphaʊs,ɡa:s/</i> số nhiều die Treibhausgase	Khí nhà kính	B1-B2
73	das Gras A2 <i>/das 'ɡʁa:s/</i> số nhiều die Gräser	Cỏ	A1-A2
74	das Ökosystem B2 <i>/das 'ø:koʏs,te:m/</i> số nhiều die Ökosysteme	Hệ sinh thái	B1-B2
75	die Population B2 <i>/di: popula'tsjo:n/</i> số nhiều die Populationen	Quần thể	B1-B2
76	der Busch A2 <i>/de:ɡ̊ 'bʊʃ/</i> số nhiều die Büsche	Bụi rậm	A1-A2
77	die Wiese A2 <i>/di: 'vi:zə/</i> số nhiều die Wiesen	Đồng cỏ	A1-A2
78	das Tal A2 <i>/das 'ta:l/</i> số nhiều die Täler	Thung lũng	A1-A2
79	die Küste A2 <i>/di: 'kʏstə/</i> số nhiều die Küsten	Bờ biển	A1-A2
80	der Wasserfall A2 <i>/de:ɡ̊ 'vase,fal/</i> số nhiều die Wasserfälle	Thác nước	A1-A2
81	die Höhle B1 <i>/di: 'hø:lə/</i> số nhiều die Höhlen	Hang	A1-A2
82	das Gebirge A2 <i>/das ɡə'biʁɡə/</i> số nhiều die Gebirge	Dãy núi	A1-A2
83	das Brutgebiet C1 <i>/das 'bʁu:tgə,bɪ:t/</i> số nhiều die Brutgebiete	Khu vực sinh sản	C1

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
84	Planetare Grenzen C1 <i>/plane'ta:ʁə 'gʁɛntsɐ/</i> die · số nhiều die planetaren Grenzen	Ranh giới hành tinh	C1
85	das Erdbeben B1 <i>/das 'e:ɐt,bɛ:bən/</i> số nhiều die Erdbeben	Động đất	A1-A2
86	das Ozon B2 <i>/das o'tso:n/</i>	Ôzôn	B1-B2
87	die Wüste A2 <i>/di: 'vy:stə/</i> số nhiều die Wüsten	Sa mạc	A1-A2
88	der Gletscher B1 <i>/de:ɐ 'glɛtʃɐ/</i> số nhiều die Gletscher	Sông băng	B1-B2
89	die Gletscherschmelze B2 <i>/di: 'glɛtʃɐ,ʃmɛltʂə/</i>	Sông băng tan chảy	B1-B2
90	die Abholzung B2 <i>/di: 'aphɔltʂʊŋ/</i> số nhiều die Abholzungen	Phá rừng	B1-B2
91	das Hochland B2 <i>/das 'ho:x,lant/</i> số nhiều die Hochländer	Vùng núi cao	B1-B2
92	die Ebene B2 <i>/di: 'ʔe:bənə/</i> số nhiều die Ebenen	Đồng bằng	B1-B2
93	die Erderwärmung B1 <i>/di: 'e:ɐʔɛɐ̯,vɛɐ̯mʊŋ/</i>	Sự nóng lên toàn cầu	B1-B2
94	die Dürre B2 <i>/di: 'dʏʁə/</i> số nhiều die Dürren	Hạn hán	B1-B2
95	die Halbinsel B1 <i>/di: 'halp,ʔɪnzl/</i> số nhiều die Halbinseln	Bán đảo	B1-B2
96	der Meeresspiegel B2 <i>/de:ɐ 'me:ʁəs,ʃpi:ɡl/</i> số nhiều die Meeresspiegel	Mực nước biển	B1-B2
97	die Nachhaltigkeit B2 <i>/di: 'na:xhaltɪçkaɪt/</i>	Tính bền vững	B1-B2
98	der Klimaschutz B1 <i>/de:ɐ 'kli:ma,ʃʊʦ/</i>	Bảo vệ khí hậu	B1-B2
99	CO₂-Fußabdruck B2 <i>/tse: ʔo: 'ʦʏvaɪ ,fu:sʔapdʁʊk/</i> der · số nhiều die CO ₂ -Fußabdrücke	Dấu chân CO ₂	B1-B2
100	das Feld A2 <i>/das felt/</i> số nhiều die Felder	Cánh đồng	A1-A2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
101	das Raubtier B1 <i>/das ˈʁaʊp.tiːɐ̯/</i> số nhiều die Raubtiere	Động vật ăn thịt	B1–B2
102	die Emission B2 <i>/diː emiˈsj̥oːn/</i> số nhiều die Emissionen	Lượng phát thải	B1–B2
103	der Niederschlag B1 <i>/deːɐ̯ ˈniːdeˌʃlaːk/</i> số nhiều die Niederschläge	Giáng thủy	B1–B2
104	die Klimazone B1 <i>/diː ˈkliːmaˌtsoːnə/</i> số nhiều die Klimazonen	Vùng khí hậu	B1–B2
105	die Solarenergie B1 <i>/diː zoˈlaːɐ̯ʔeneɐ̯giː/</i>	Năng lượng mặt trời	B1–B2
106	die Windkraft B2 <i>/diː ˈvɪntˌkʁaʃt/</i>	Năng lượng gió	B1–B2
107	der Eisberg B1 <i>/deːɐ̯ ˈaɪsˌbɛʁk/</i> số nhiều die Eisberge	Tảng băng trôi	A1–A2
108	die Alpen A2 <i>/diː ˈalpən/</i>	Dãy Alps	A1–A2
109	der Vulkan B1 <i>/deːɐ̯ vʊlˈkaːn/</i> số nhiều die Vulkane	Núi lửa	A1–A2
110	der Regenwald B1 <i>/deːɐ̯ ˈʁeːɡənˌvalt/</i> số nhiều die Regenwälder	Rừng mưa nhiệt đới	A1–A2
111	der Nationalpark B1 <i>/deːɐ̯ natʃjoˈnaːlˌpaʁk/</i> số nhiều die Nationalparks	Công viên quốc gia	A1–A2
112	die Klippe B2 <i>/diː ˈklɪpə/</i> số nhiều die Klippen	Vách đá	B1–B2
113	die Schlucht B2 <i>/diː ˈʃlʊxt/</i> số nhiều die Schluchten	Hẻm núi	B1–B2
114	der Permafrost C1 <i>/deːɐ̯ ˈpɛʁmaˌfʁɔst/</i>	Đất đóng băng vĩnh cửu	B1–B2
115	die Mündung B2 <i>/diː ˈmʏndʊŋ/</i> số nhiều die Mündungen	Cửa sông	B1–B2
116	der Krater B2 <i>/deːɐ̯ ˈkʁaːtɐ/</i> số nhiều die Krater	Miệng núi lửa	B1–B2
117	die Wasserkraft B2 <i>/diː ˈvaseˌkʁaʃt/</i>	Thủy điện	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
118	der Monsun B2 <i>/de:ɡ mɔn'zu:n/</i> số nhiều die Monsune	Gió mùa	B1-B2
119	der Tau B2 <i>/de:ɡ 'taʊ/</i>	Sương	B1-B2
120	der Talboden C1 <i>/de:ɡ 'ta:l,bo:dən/</i> số nhiều die Talböden	Đáy thung lũng	B1-B2
121	die Lagune B2 <i>/di: la'gu:nə/</i> số nhiều die Lagunen	Đầm phá	B1-B2
122	der Lavastrom B2 <i>/de:ɡ 'la:va,ʃtʁo:m/</i> số nhiều die Lavaströme	Dòng dung nham	B1-B2
123	der Polarkreis B2 <i>/de:ɡ po'la:ɡ,kʁaɪs/</i> số nhiều die Polarkreise	Vòng Bắc Cực	B1-B2
124	die Subtropen B2 <i>/di: zʊp'tʁo:pən/</i>	Cận nhiệt đới	B1-B2
125	die Savanne B2 <i>/di: za'vanə/</i> số nhiều die Savannen	Xa van	B1-B2
126	die Steppe B2 <i>/di: 'ʃtɛpə/</i> số nhiều die Steppen	Thảo nguyên	B1-B2
127	das Gestein B2 <i>/das ɡə'ʃtaɪn/</i> số nhiều die Gesteine	Đá tảng	B1-B2
128	das Moor B2 <i>/das 'mo:ɡ/</i> số nhiều die Moore	Đầm lầy than bùn	B1-B2
129	das Delta B2 <i>/das 'dɛlta/</i> số nhiều die Deltas	Đồng bằng châu thổ	B1-B2
130	das Riff B2 <i>/das 'ʁɪf/</i> số nhiều die Riffe	Dải đá ngầm	B1-B2
131	die Korallen B2 <i>/di: ko'ʁalən/</i>	Nhiều khối san hô	B1-B2
132	die Oase B1 <i>/di: o'ʔa:zə/</i> số nhiều die Oasen	Ốc đảo	B1-B2
133	die Dünen B2 <i>/di: 'dy:nən/</i>	Cồn cát	B1-B2
134	der Wasserkreislauf B2 <i>/de:ɡ 'vase,kʁaɪslaʊf/</i> số nhiều die Wasserkreisläufe	Chu trình nước	B1-B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
135	das Quellwasser B1 <i>/das 'kvɛl,vase/</i>	Nước suối	B1-B2
136	der Dunst B2 <i>/de:ɐ̯ 'dʊnst/</i>	Sương mỏng	B1-B2
137	die Photosynthese B2 <i>/di: ,fo:tozʏn'te:zə/</i>	Quang hợp	B1-B2
138	die Polarzone B2 <i>/di: po'la:ɐ̯,tso:nə/</i> số nhiều die Polarzonen	Vùng cực	B1-B2

Nghe từng từ và luyện tập miễn phí: <https://languageminute.com/vi/learn/de/topic/120-canh-quan>

German Minute: <https://apps.apple.com/app/id6749515334>